

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1066900 Mã KBNN: 0077
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 5

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	114.500.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	114.500.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	114.500.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1019997 Mã KBNN: 0077

Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 5

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	43.750.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	43.750.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	43.750.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
Đơn vị: Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Dương

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1010723 Mã KBNN: 0079
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 7

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	50.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	50.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	50.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Hải Dương

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1040352 Mã KBNN: 0077

Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 5

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	181.703.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	181.703.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	181.703.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Kim Thành

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1040351 Mã KBNN: 0081
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 9

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	267.008.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	267.008.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	267.008.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
Đơn vị: Trung tâm Y tế Nam Sách

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1066893 Mã KBNN: 0078
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 6

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	180.998.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	180.998.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	180.998.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Cẩm Giàng

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1066892 Mã KBNN: 0079
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 7

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	247.200.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	247.200.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	247.200.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Thanh Hà

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1042789 Mã KBNN: 0078
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 6

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	600.750.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	600.750.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	600.750.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Bình Giang

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1078488 Mã KBNN: 0082
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 10

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	179.040.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	179.040.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	179.040.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Y tế Kinh Môn

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1040354 Mã KBNN: 0081

Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 9

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	482.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	482.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương	482.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Dương

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1042897 Mã KBNN: 0080

Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 8

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	150.000.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	150.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.	150.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Chương 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hải Phòng

Chương 423 Loại 070 Khoản 085 Mã đơn vị: 1131063 Mã KBNN: 0061
Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Kế toán Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:	217.313.000
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	0
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ:	217.313.000
	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ đối với nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.	217.313.000

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Dương	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Dương	Trung tâm y tế Hải Dương	Trung tâm y tế Kim Thành	Trung tâm y tế Nam Sách
A	B	C=1+2+...+12	1	2	3	4	5	6
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NSNN PHÍ, LỆ PHÍ							
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.714.262.000	114.500.000	43.750.000	50.000.000	181.703.000	267.008.000	180.998.000
1	Chi giáo dục-đào tạo dạy nghề: Loại 070 Khoản 085	2.714.262.000	114.500.000	43.750.000	50.000.000	181.703.000	267.008.000	180.998.000
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.714.262.000	114.500.000	43.750.000	50.000.000	181.703.000	267.008.000	180.998.000
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách			1066900	1019997	1010723	1040352	1040351	1066893
Mã số KBNN			0077	0077	0079	0077	0081	0078
Giao dịch tại			KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 5	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 5	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 7	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 5	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 9	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 6

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Trung tâm y tế Cẩm Giàng	Trung tâm y tế Thanh Hà	Trung tâm y tế Bình Giang	Trung tâm y tế Kinh Môn	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Hải Đương	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng
A	B	7	8	9	10	11	12
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NSNN PHÍ, LỆ PHÍ						
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	247.200.000	600.750.000	179.040.000	482.000.000	150.000.000	217.313.000
1	Chi giáo dục-đào tạo dạy nghề: Loại 070 Khoản 085	247.200.000	600.750.000	179.040.000	482.000.000	150.000.000	217.313.000
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	0	0	0	0	0	0
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	247.200.000	600.750.000	179.040.000	482.000.000	150.000.000	217.313.000
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách		1066892	1042789	1078488	1040354	1042897	1131063
Mã số KBNN		0079	0078	0082	0081	0080	0061
Giao dịch tại		KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 7	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 6	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 10	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 9	KBNN khu vực III - Phòng giao dịch số 8	KBNN Khu vực III - Phòng Kế toán Nhà nước